**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP TIÊNG ANH 7 HKI ( HỆ 7 NĂM)**

**A. Lý thuyết:**

I. Từ vựng: Unit 1 – Unit 8

**B. Ngữ pháp**:

**1. The present progressive tense:**

 **A, Form: (+) S + is / am / are + V- ING.**

 **(-) S + is / am / are + V- ING.**

 **(?) S + is / am / are + V- ING ?**

 **🡪 Yes, S + am / is / are / No, S + am/ is/ are not**

 **B, Usage:** - Thì hiện tại tiếp diễn được sử dụng để diễn tả một hành động đang diễn ra tại một thời điểm nói.

 Eg: I am learning English now.

 **C, Adverbs**: now, at the moment, at present, right now.

**2. The simple present tense:**

 **A, Form:** To be “ am , is are “

 **(+)** S1 (I / We / they / you…) + V (infinitive without to)

S2 ( He / She / It….) + V (s/es)

 (-) S + don’t / doesn’t + V

 (?) Do / does + S + V ?

 🡪 Yes, S + do/ does. / No, S + don’t/ doesn’t.

 **B. Usage**: Thì hiện tại đơn dùng để diễn tả :

a. Sự kiện xảy ra vào thời điểm hiện tại

b.Thói quen có tính chất thường xuyên, công việc thường ngày

c. Sự thật bao giờ cũng đúng

 eg: They play soccer everyday.

 They don’t play soccer everyday.

 Do they play soccer everyday ?

 **C. Adverbs:** always, usually, sometimes, often, every, never, ever……

**3. The simple future tense**:

 ***A, Form***: (+) S + Will + V( infinitive without to)

 (-) S + Will not (won’t) + V( infinitive without to)

 (?) Will + S + V( infinitive without to)?

 🡪 Yes, S + will / No, S + won’t

 ***B, Usage:***

 - Tương lai đơn dùng để chỉ hành động hay sự việc xảy ra trong tương lai

 Eg: I will finish my task soon.

 He will call you tomorrow.

 ***C., Adverbs***: tomorrow: ngày mai

 Next week / month / year…. Tuần tới/ tháng tới / năm tới…..

 Soon: ngay , sớm, chẳng bao lâu nữa

**4. Much, many, a lot of, lots of**

a, Much + N (không đếm được)

 eg: There isn’t much milk in the glass.

 b, Many + N( đếm được số nhiều)

 eg: There are many oranges in the basket.

 c, A lot of / lots of + N(không đếm được)

 N(đếm được số nhiều)

 eg: A lot of / lots of students like him.

**5. a, Comparative** : ( so sánh hơn)

 Be + Adj ( ngắn ) + ER THAN.

 Be + more + Adj ( dài ) THAN

 **b, Superlative**: (so sánh nhất)

 Đối với Adj ngắn : Be + the + Adj-EST

 Đối với Adj dài : Be + the most + Adj

6. How + do/does + S + Infinitive ? ( Hỏi về phương tiện )

7. Hỏi về khoảng cách: **How far is it from A to B ? 🡪 It is about ………**

8. Câu hỏi: Why … ? ⭢ Because …

9. Đại từ chỉ định : This, That…

10. Invitation :

a. **Would you like + To- Infinitive…?**

 **⭢ Yes, I’d love to.**

 **I’m sorry . I have no time.**

 **b. Would you like + Noun…?**

Eg: Would you like some orange juice ?

11. Suggestions ( đưa ra lời đề nghị) :

**a. What about + V-ing …?**

 **How about + V-ing…?**

Eg: What about going to the theater?

 How about going to the theater?

**b. Let’s + V(infinitive without to).**

Eg: Let’s go to the cinema.

1. **Why don’t you/ we + V(infinitive without to)…?**

Eg: Why don’t we go to the cinema?

⭢ Response : Yes, Lets.

 Yes, That’s good idea.

 Sorry. I can’t.

12. Exclamation: What + ( a/an ) + Adj + N !

 Eg: What a lovely cat !

 What an awful day !

 What beautiful girls !

13. There is, There are.

14. **How many + danh từ số nhiều đếm được + are there ?**

**⭢ There is/ There are…**

15. Prepositions of position : **on, at, in, above, in front of …**

16. Hỏi về thời gian và trả lời câu hỏi: **What time is it ? ⭢ It’s ………….**

17. Adverbs of frequency: **Always, usualy, often, sometimes, never…**

18. Hỏi và trả lời về giá cả:

a. **How much do/does + S + cost ? ⭢ It / they + cost(s) + ……(money).**

eg: How much does this pen cost?

 It costs 4 thousand VND

 **b. How much + is / are + S? 🡪 It / They + is / are +…….(money)**

 **eg:** How much is this pen?

 It is 4 thounsand VND.

19. Hỏi và chỉ đường : **Can / could you show me how to get to….?**

 **Can / could you tell me the way to….?**

 Eg: Can / could you show me how to get to the cinema?

 Can / could you tell me the way to the cinema?

**B. Bài tập**

**I.** **Gạch chân phần trả lời đúng nhất:**

1. My father is a teacher. He works in a ( school, farm, hospital )

2. He writes articles for a newspaper. He is a ( musician, journalist, teacher )

3. We do some experiments in ( history, music, physics )

4. This is the ( modern, more modern, most modern ) cassette in our shop

5. Nam is tall but An is ( tall, taller, tallest )

6. Loan will be 25 ( in, on, at ) December 5th

7. Mr An is a careful driver. He drives ( care, careful, carefully )

8. Hoa has ( many, much, more ) friends in Hue

9. How ( far, long, much ) is it from your house to the post office ? – 2 kilometers

10. After school Lan ( rides, catches, drives ) her bike home

11. His idea is quite different( with / of / on / from ) mine

12. Students usually have a.........................each year.

 a. 3-months vacation b. 3-month vacations

 c. 3- month vacation d. 3- months vacations

13.Would you like( listening / to listen / listen / listens )to music?

14. In ( Math / History / Physic / English ) We do some experiments.

15. Does Nam play soccer( on / at / in / with) recess

16.Hoa’s new school is ( big / bigger/ the biggest/ the bigger) than her old school.

17.( What / What a / how /which) beautiful girl!

18. we ( will have / have / having / has) a test next week.

19. What about ( play / playing / to play / to playing) football this afternoon?

20. Hoa likes acting. She is a(an) ( person / player /member / actor) of the school

theater group.

**II.** **Đổi sang phủ định và nghi vấn**

1. She helps her parents with the housework after school
2. They are doing their homework now.
3. We will have an English test tomorrow.

**III.** **Cho dạng hoặc thì đúng của động từ trong ngoặc:**

1. Oanh (be)…….. 15 now. She (be) …………16 next Sunday.
2. Ba always (brush)…………...his teeth after meals
3. Let’s (visit)………… our old friends
4. Look ! The children (dance) ………......
5. What are you going to do this summer vacation? – We (visit) …………..Ha Long bay
6. Would you like (play)……………. basketball ?
7. What about (go) …………... to Huong pagoda ?
8. Nga usually (go)…………… to school on time
9. Na (not like) ……………… the countryside
10. What……… you (do)……… in your free time?

**IV. Nối câu ở cột A với câu phù hợp ở cột B**

 A

1. What’s Mai’s favorite subject? a. June 5th

2. Does she usually play guitar after work? b. Yes, she is

3. What’s your date of birth? c. by motorbike

4. Is your mother an author? d. yes, he does

5. Would you like a cup of tea? e. On Tuesday and Friday

6. How does your brother go to work? f. History

7. What do you do in literature? g. No, she doesn’t

8. Does he often go on business? h. That’s a good idea

9. What does Mr Dung do? i. We write essays

10. When do you have math? j. a doctor

**V/Viết câu cảm thán dùng cấu trúc “ what + (a/an) +adj.+noun!**

1.He is an intelligent boy. 2.It is fresh milk.

3.They are naughty students 4.It is an exciting trip.

5.She is a good child. 6.They are delicious cakes.

7.The weather is very awful. 8.The dress is very expensive.

9.The girl is very clever. 10.The pictures are very colorful

**VI/Dùng các hình thức so sánh đúng của tính từ trong ngoặc**:

1.A new house is…………………. an old one.(expensive)

2.Motorbikes are ………………. bikes.(fast)

3.Nile river is…………………. river in the world.(long)

4.This book is ………………of three books(interesting)

5.Ho Chi Minh city is …………….. city in Vietnam(big)

6.My television is ………………. his television(modern)

7.Summer is …………………..Spring(hot)

8.Winter is …………………..season in the year(cold)

9.He is …………………person in the meeting(important)

10.Her English is………………… my English(good)

11.Mr. Tan works …………………… hours than my father(many)

12.Vietnamese students have ………………….. vacations than American students(few)

13.He drank ………………wine than Mr. Hai(little)

14.This old woman has ……………..money than all of her daughter.(much)

**VII. Viết lại theo chỉ dẫn trong ngoặc**

1. It’s an old house ( viết câu cảm thán )……………………………………………..
2. This apartment is more expensive than that apartment ( viết cách khác )

🡪 That apartment……………………………………………….

1. shoe store / between / is / the / hotel / the / and / restaurant / the.(Sắp xếp thành câu hoàn chỉnh)
2. Manh is a fast runner ( viết cách khác ) Manh runs………………………………………
3. What’s Miss Ngoc’s job? ( viết cách khác )……………………………………………

**VIII. Tìm lỗi sai và sửa lại cho đúng**

1. Huong never is late for shool…………………………………………………

2. They are play catch at the moment……………………………………………

3. How often does Miss Lien travels to work - by bus…………………………………….

4. Mai learn to play the piano on her free time

5. Which grade does Hoa in?

**IX/Xếp từ xáo trộn thành câu**

1.always / church / he / to /goes / Sundays / on .

2. they / free / usually / are / the / weekend /on.

3.marbles / boys / open / the / recess / play / at / do / ?

4.library/ I/ in / study / school / after / the / sometimes.

5.Phong / interested / is / in always / music.

6.never / my / can /meal /a / cook / good / sister.

7. coffee / never / father / drinks / my.

8. should / lots / milk / children / of / milk.

**X/Viết câu đề nghị hoặc gợi ý dùng :**

**Let’s…………, What about……………….?Why don’t we………?**

-go to the school cafeteria ………………………………………………

-eating in fast food restaurant ………………………………………………

-do homework together ………………………………………………

-go shopping ………………………………………………

**XIV. Read the passage and answer the questions.**

**1/ Hoa** goes to school in the morning . In the afternoon she stays at home and does her homework . Every Tuesday and Thursday , she plays badminton with her friends . She joins in her English speaking club on Friday afternoon . She also has classes on Saturday morning . She has only a day off . It’s Sunday.

**True or False ? ( 1pt)**

1. Hoa goes to school in the afternoon ……….

 2. She plays table tennis with his friends. ……….

 3. She has classes on Saturday. ……….

 4. She has two days off.

**2/.** Many pepole think that student have an easy life : we only work a few hours a day and have long vacations. They don’t know we have to work hard at school and at home.

 Take a look at a typical grade 7 student like Hoa. She has five periods a day, six days a week . That is about 20 hours a week – fewer hours than any worker . But that is not all . Hoa is a keen student and studies hard . She has about 12 hours of homework every week . She also has to review her work before tests . This makes her working week about 45 hours . This is more than some workers . Students like Hoa are definitely not lazy !

**Answer the questions**

1Why do some pepole think that students have an easy life ?

…………………………………………………………………………………………………

2.How many hours a week does Hoa work ? Is this fewer than most workers ?

………………………………………………………………………

3.How many hours a week do you work ? Is that more or fewer hours than Hoa ?

………………………………………………………………………

4.Does the writer think students are lazy ?

**3/.**This is the library in Nam’s school. It is not very large, but it is very nice. In the library, there are a lot of books, novels, readers, magazines, newspapers and pictures. There is also a study area. The library opens at seven o’clock in the morning and closes at half past four in the afternoon. Nam often goes there. He likes reading books in the library.”

**Choose the correct amswer**

1. Is the library in Nam’s school large?

 A. Yes, it is. B. No, it is not. C. Yes, he is. D. No, he isn’t.

2. There are . . . . . . books in the library.

 A. much B. a little C. many D. a lot

3. What time does the library open?

 A. 7.00 am B. 7.00 pm C. 7.30 am D. 7.30 pm

4. What time does the library close?

 A. 4.30 am B. 4.00 pm C. 4.00 am D. 4.30 pm

5. Why does Nam often go there?

 A. Because he likes going there. C. Because he is a good student.

 B. Because he likes reading books. D. Because he is good at Literature.

**\*Chú ý: Làm kỹ tất cả các bài tập trong sách giáo khoa.**